

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Văn Trọng Q**, sinh năm 1977

+ Bà **Trần Thị Nguyệt N**, sinh năm 1980

Cùng trú tại: Số B A, tổ D, phường A, quận S, thành Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N đi đến hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/01/2004 ngày 06 tháng 5 năm 2004. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N xác định: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được và không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải, ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N xác định vợ chồng có 02 con chung tên Văn Trọng A, sinh ngày 03/7/2006 và Văn Trọng N1, sinh ngày 11/3/2009. Thuận tình ly hôn, ông Q và bà N thỏa thuận như sau: Giao con chung Văn Trọng N1, sinh ngày 11/3/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Văn Trọng A, sinh ngày 03/7/2006 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến. Ông Q và bà N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[5] Về tài sản chung: Ông Q và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Q và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Q và bà N tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Văn Trọng Q và bà Trần Thị Nguyệt N nên Giấy chứng nhận kết hôn số 56/01/2004 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, TP . cấp ngày 06 tháng 5 năm 2004 không còn giá trị pháp lý*).

1.2 Về con chung: Giao con chung Văn Trọng N1, sinh ngày 11/3/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Văn Trọng A, sinh ngày 03/7/2006 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Ông Q và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Các vấn đề khác: Ông Q và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Ông Q và bà N tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0007866 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông Q và bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p.Thọ Quang, quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh